Ngày soạn: 05/01/2024

Ngày dạy: 08/01/2024

**TIẾT 19+20+21+22: BÀI 7: BẢN ĐỒ CHÍNH TRỊ CHÂU Á**

**CÁC KHU VỰC CHÂU Á**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của các khu vực của châu Á.

- Biết cách sử dụng bản đồ để phân tích các đặc điểm tự nhiên của từng khu vực.

**2. Năng lực**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực Địa lí

+ Năng lực nhận thức Địa lí: Giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên và kinh tế - xã hội, phân tích được mối quan hệ giữa các đối tượng; nhận thức sự phân bố trong không gian, vị trí địa lí,...

- Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..)

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- Có những hiểu biết đúng đắn về các khu vực của châu Á.

- Yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi.

- Có trách nhiệm trong việc sử dụng hợp lí và báo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Bản đồ chính trị châu Á.

- Bản đồ tự nhiên của từng khu vực châu Á.

- Các hình ảnh, videoclip về tự nhiên, kinh tế - xã hội của các khu vực châu Á.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động khởi động**

**a. Mục tiêu**

- Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho người học.

**b. Cách thức tổ chức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1**: Giao nhiệm vụ: Trò chơi đuổi hình bắt chữ  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3:** Báo cáo kết quả  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức |  |

*Thiên nhiên châu Á phân hoá vô cùng đa dạng. Mỗi khu vực của châu Á lại có cảnh sắc thiên nhiên khác nhau, điếu đó tạo nên những nét văn hoá riêng biệt của từng khu vực. Châu Á có những khu vực nào? Nêu một số hiểu biết của em về một số khu vực ở châu Á.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1. Tìm hiểu bản đồ chính trị châu Á**

**a. Mục tiêu**

- Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vục của châu Á.

**b. Cách thức tổ chức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1**: Giao nhiệm vụ cho học sinh  **-** GV cho HS quan sái hình 1. Bản đồ chính trị châu Á (hoặc bản đổ các nước châu Á treo tường) kết hợp nghiên cứu bảng 1 và thông tin trong SGK, dùng phương pháp đàm thoại, gợi mở để giới thiệu cho HS những nét chính về các khu vực của châu Á.  - GV yêu cầu HS xác định các khu vực của châu Á trên bản đồ. | Map  Description automatically generated |

**Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3:** Báo cáo kết quả

- HS trả lời câu hỏi và xác định các khu vực của châu Á trên bản đồ.

- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.

**Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.

**- Sản phẩm:**

|  |
| --- |
| **1. Bản đồ chính trị châu Á** |
| - Châu Á gồm 49 quốc gia và vùng lãnh thổ.  - Trên bản đồ chính trị, Châu Á được phân chia thành 6 khu vực: Bắc Á, Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á, Tây Á, Trung Á. |

**2.2. Tìm hiểu các khu vực thuộc châu Á**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của các khu vực thuộc châu Á

- Biết cách sử dụng bản đồ để nhận biết các đặc điểm tự nhiên của khu vực.

**b. Cách thức tổ chức**

**Bước 1:** Giao nhiệm vụ -

**Nhiệm vụ 1**- Hoạt động nhóm: Quan sát hình 2,3,4,5,6,7,8 và các thông tin mục 2 SGK, em hãy xác định vị trí phạm vi lãnh thổ trình bày đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, các đới thiên nhiên chính,…) của các khu vực Châu Á. Hoạt động nhóm 4/thời gian 4 phút

+ Nhóm 1: Khu vực Bắc Á + Nhóm 2: Khu vực Trung Á

+ Nhóm 3: Khu vực Tây Nam Á + Nhóm 4: Khu vực Nam Á

+ Nhóm 5: Khu vực Đông Á + Nhóm 6: Khu vực Đông Nam Á

**Nhiệm vụ 2:**

**Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi và trả lời câu hỏi

**Bước 3**: HS báo cáo kết quả làm việc

- Gọi học sinh bất kì trả lời câu hỏi.

- HS khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4**: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thân học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh

**- Sản phẩm:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2. Các khu vực thuộc châu Á**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Các khu vực** | **Bắc Á** | **Trung Á** | **Tây Á** | **Đông Á** | **Nam Á** | **Đông Nam Á** | | Phạm vi lãnh thổ, địa hình | Gồm toàn bộ vùng Xi-bia của Nga, với ba bộ phận: đồng bằng Tây Xi-bia, cao nguyên Trung Xi-bia, miến núi Đông Xi-bia. | - Á Là khu vực duy nhất của châu Á không tiếp giáp với đại dương, có diện tích trên 4 triệu km2.  - Thấp dần từ đông sang tây: phía đông là miền núi cao Pa-mia, Thiên Sơn và An-tai; phía tây là cao nguyên và đồng bằng kéo dài tới hồ Ca-xpi; ở trung tâm là hồ A-ran. | - Gồm bán đảo A ráp, bán đáo Tiểu Á, đổng bằng Lưỡng Hà.  - Địa hình có nhiều núi và sơn nguyên. | 11,5 triệu km2, gồm phần đất liến và hải đảo. Phần đất liến chiếm hơn 96% diện tích, địa hình đa dạng: phía tây có nhiều hệ thống núi và sơn nguyên cao, các bồn địa rộng lớn; phía đông có nhiều núi trung bình, thấp và đồng bằng rộng. Phần hải đảo có địa hình phần lớn là đổi núi; có nhiều núi lửa, thường xuyên có động đất, sóng thần. | 7 triệu km2.  Địa hình bao gồm: hệ thống núi Hi-ma lay-a chạy theo hướng tây bắc - đông nam ở phía bắc; sơn nguyên I-ran ở phía tây; sơn nguyên Đê-can tương đối thấp và bằng phẳng ở phía nam; ở giữa là đồng bằng Ấn - Hằng. | - Diện tích 4,5 triệu km2, gồm hai phần: phần đất liến (ban đảo Trung Ấn) và phần hải đảo (quần đảo Mã Lai)  - Phần đất liền có các dãy núi cao trung bình hướng bắc - nam và đông bắc - tây nam, xen kẽ là các thung lũng, sông cắt xẻ sâu, làm địa hình bị chia cắt mạnh. Đổng bằng phù sa phân bố ở ven biển và hạ lưu các sông.  + Phần hải đảo có nhiều đồi, núi, ít đồng bằng, nhiều núi lửa hoạt động và thương xảy ra động đất, sóng thần. | | Khí hậu | Lạnh giá khắc nghiệt, mang tính lục địa sâu sắc | Ôn đới lục địa khô. Lượng mưa rất thấp, khoảng 300 - 400 mm/năm. | Khí hậu khô hạn và nóng. Lượng mưa rất thấp, khoảng 200 - 300 mm/năm, một số vùng gần Địa Trung Hải có mưa nhiều hơn. | Phần hải đảo và phía đông phần đất liền có khí hậu gió mùa.  Phía tây phần đất liền (gồm lãnh thổ Mông Cổ và tây Trung Quốc) quanh năm khô hạn. | Phần lớn nằm trong kiểu KH nhiệt đới gió mùa. Từ sông Ấn đến sơn nguyên I-ran có khí hậu khô hạn. | Phần đất liền có khí hậu NĐ gió mùa; mùa hạ có gió tây nam nóng, ẩm gầy mưa nhiều; mua đông có gió đông bắc khô, lạnh. - Phần hải đảo có khí hậu xích đạo quanh năm nóng ẩm, mưa nhiều. Đông Nam Á là khu vực chịu nhiều ảnh hưởng của các cơn bão nhiệt đới. | | Khoáng sản | Phong phú, một số loại có trữ lượng lớn: dầu mỏ, than đá, kim cương, vàng, đổng, thiếc,... | Dầu mỏ, khí đốt, than, sắt, vàng và nhiều kim loại màu khác. | Khoáng sản chính là dầu mỏ với hơn một nửa trữ lượng dầu mỏ thế giới tại Tây Á. Dầu mỏ phần bố chủ yếu ở đồng bằng Lưỡng Hà, các đổng bằng của bán đảo A-ráp, vùng vịnh Péc-xích. | Các khoáng sản chính là: than, dầu mỏ, sắt, thiếc, đồng, man-gan,... |  | Khoáng san: dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá, sắt, thiếc, đồng,... | | Sông ngòi | Mạng lưới sông dày, có nhiều sông với nguồn thuỷ năng lớn (Ô bi, I-ê-nít-xây, Lê na,...). | Hai con sông lớn nhất của khu vực là Xưa Đa-ri-a và A-mu Đa-ri-a đều đổ vào hồ A ran. | Sông ngòi kém phát triển, nguồn nước rất hiếm. Nước cho sinh hoạt và sản xuất được lấy từ sông Ti-grơ, sông ơ-phrát, nước ngẩm và nước lọc từ biển. | Một số sông lớn: Trường Giang, Hoàng Hà,... Các sông có nhiều giá trị, tuy nhiên vào mùa mưa sông hay gây ngập lụt. | Có nhiếu hệ thống sông lớn (Ấn, Hằng, Bra-ma-pút), bồi đắp nên vùng đồng bằng màu mỡ. | Mạng lưới sông tương đối dày, các sông chính: Mê Công, Mê Nam, I-ra-oa-đi, sông Hổng,... | | Cảnh quan | Rừng có diện tích lớn, được bảo tồn tương đối tốt, chủ yếu là rừng lá kim. | Chủ yếu là thảo nguyên, bán hoang mạc và hoang mạc. | Cảnh quan tự nhiên phần lớn là bán hoang mạc và hoang mạc. | Phía tây phát triển cảnh quan thảo nguyên, bán hoang mạc và hoang mạc. | Thảm thực vật chủ yếu: rừng nhiệt đới gió mùa và xa van. | Rừng chủ yếu là rừng mưa nhiệt đới, thành phần loài phong phú. | |

**3. Hoạt động luyện tập**

**a. Mục tiêu**

- Củng cố, luyện tập các kiến thức đã học trong bài.

**b. Cách thức tổ chức**

**Bước 1**: Giao nhiệm vụ cho học sinh: Trò chơi HIỂU Ý ĐỒNG ĐỘI

**Bước 2**: Thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3**: Báo cáo kết quả làm việc

**Bước 4:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

**4. Hoạt đông vận dụng, mở rộng**

**a. Mục tiêu**

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

**b. Cách thức tổ chức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1:** Giao nhiệm vụ: Tìm hiểu thông tin tự nhiên ở một khu vực châu Á mà em quan tâm và chia sẻ với các bạn.  **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3**: Báo cáo kết quả làm việc  **Bước 4:** Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs. | A person and person with text  Description automatically generated with medium confidence |

**BAN GIÁM HIỆU TỔ TRƯỞNG NGƯỜI SOẠN**

**Lương Thị Thúy Quyên Nguyễn Thị Hải Ninh Đinh Thị Thuận**